

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày 20/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lù Làn Din

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Trường và ông Sìn Văn Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Thủy - Kiểm sát viên.

13 giờ 30 phút ngày 20/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSST ngày 21/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn H - Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1972. Tại huyện V, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam;

ĐKKHKT và chỗ ở: thôn 7, CH, huyện V, tỉnh Yên Bái;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Con ông Trần Văn Q (Đã chết năm 1983) và bà Phùng Thị M (Đã chết năm 2013);

Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị O - sinh 1979; Bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2000).

Vợ và con đều trú tại thôn 7, CH, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/4/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Họ và tên:Nguyễn Văn C - Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1975. Tại huyện U, Hải Phòng.

Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

ĐKHKTT: Thôn 4, xã G, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Chỗ ở: Thôn 1, xã G, huyện U, thành phố Hải Phòng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 3/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Văn T (Đã chết năm 2006) và bà Đỗ Thị H2.

Trú tại:thôn 4 xã G, huyện U, thành phố Hải Phòng.

Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy.

Vợ thứ 1: Vũ Thị C2 (Đã chết năm 1996).

Vợ thứ 2: Lê Thị D - Sinh 1976 (Bị bệnh nằm liệt).

Hiện bị cáo đang sống chung như vợ chồng với Vũ Thị H3 -Sinh năm 1989.

Chị D và chị H3 đều trú tại xã G, huyện U, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2015).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Họ và tên:Trần Ngọc A - Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1982. Tại thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 40, phường PH, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Đình C3 và bà Nguyễn Thị T2

Đều trú tại tổ 40, phường PH, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T3 – sinh 1986.

Bị cáo có 02 người con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013), hiện đều đang ở với mẹ tại Tổ 40, phường PH, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

Tiền án, tiền sự: Không .

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/4/2017, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

*** Người có quyền lợi liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị O – Sinh năm 1979.

Trú tại: Thôn 7, xã CH, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Chị Nguyễn Thị T3 - Sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 40, phường PH, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

3. Anh Trịnh Văn B - Sinh năm 1963.

Trú tại: Tổ 50, phường F, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C, Trần Ngọc A bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng tháng 6/2016, Trần Văn H có quen Bùi Văn S, trú tại thôn 3, xã Hoàng Động, huyện U, thành phố Hải Phòng. H và S có cho nhau số điện thoại và thường xuyên liên lạc với nhau, S đã nhiều lần đến nhà H chơi và nói với H là có ông anh chế tạo thuốc nổ gần giống như của Nhà nước, không có tem mác nếu có ai mua thì bảo S, S giới thiệu cho H làm quen với Nguyễn Văn C nhà ở thôn 1, xã G, huyện U, thành phố Hải Phòng, H và C đã nhiều lần điện thoại cho nhau. Đến khoảng tháng 11/2016, Phạm Văn Y, sinh năm 1979, trú tại thôn 10, xã P, huyện K, tỉnh Lào Cai (cháu họ của H) đến nhà chơi. Qua tìm hiểu, H được Phạm Văn Y cho biết Tạ Thị Hải Y2 sinh năm 1972, nhà ở thôn 1, xã L, huyện K là người mua thuốc nổ với giá cao, Y2 cho H số điện thoại của Y2 để liên lạc. Sau đó H gọi điện cho Y2 đặt vấn đề mua bán thuốc nổ, Y2 hẹn đến nhà để trao đổi cụ thể. Đầu tháng 02/2017, H lên nhà Y2 để bàn bạc việc mua bán thuốc nổ, Y2 và H thỏa thuận giá 380.000đ/cốp (mỗi cốp nặng khoảng 2kg), giao nhận hàng tại xã Z, huyện E, tỉnh Lào Cai và Y2 sẽ tự chở vào xã L, huyện K, mỗi lần mua từ 700kg đến 1.000kg và sẽ thanh toán tiền khi giao nhận thuốc nổ.

Đến giữa tháng 02/2017, H xuống nhà Nguyễn Văn C ở Hải Phòng đặt vấn đề mua bán thuốc nổ. C nói biết một người tên là H5 nhà ở xã X, huyện U, thành phố Hải Phòng biết cách chế tạo thuốc nổ, giống thuốc nổ AD1 của nhà nước sản xuất, nhưng không có tem, mác, nếu H cần mua thì C sẽ đưa đến gặp H5. H rủ C cùng đi mua thuốc nổ của H5 chế tạo về bán lại cho công trình của H lấy tiền chia nhau, C đồng ý. Ngay lúc đó, C gọi điện cho H5 nói có người cần mua thuốc nổ, H5 bảo cứ đến khu vực cây xăng Pháp Cổ thuộc xã X, huyện U gọi điện H5 ra đón. Khoảng 18 giờ cùng ngày C và H đến, H5 ra đón và đưa đến một ngôi

nhà không có người, H5 nói nhà của chị gái (*C và H không biết chủ ngôi nhà đó là ai và cũng không nhớ được đường đến ngôi nhà đó*). Tại đây H và C thống nhất là H5 lên nhà H để chế tạo thuốc nổ, thỏa thuận giá 80.000đ/1kg, H5 đồng ý và lấy giấy bìa quần mẫu thanh thuốc nổ cho C và H xem, đồng thời nói các thành phần chế tạo trong thuốc nổ. Khoảng một tuần sau, H5 gọi điện cho C thông báo không lên nhà H chế tạo thuốc được, nếu C cần nguyên liệu chế tạo thì H5 sẽ bán lại cho. C gọi điện cho H nói H5 không lên được, H bảo C mua nguyên liệu vận chuyển lên nhà H, để cùng nhau chế tạo bán lại cho công trình của H, C đồng ý. Do chưa có tiền mua nguyên vật liệu C bảo H chuyển trước cho một ít tiền, nhưng H chưa chuyển nên C lấy lý do chưa thu xếp được công việc. Khoảng đầu tháng 3/2016, H nhiều lần gọi điện bảo C mua nguyên liệu mang lên nhà H chế tạo thuốc nổ, nhưng C nói chưa biết giá mua nguyên liệu, nếu C tự đi mua thì sau khi chế tạo thuốc nổ xong khó tính tiền. Vì vậy, thống nhất là C tự đi mua nguyên liệu mang lên nhà H chế tạo, H sẽ mua số lượng khoảng 700kg đến 1000kg với giá 90.000đ/1kg.

Ngày 26/3/2017, C gọi điện thoại cho H thông báo là đã mua và chuẩn bị xong nguyên liệu, dụng cụ, bảo H đi mua 03 bao tải mùn cưa loại 50kg mang về phơi khô, và sẽ cho Bùi Văn S lên nhà H lấy tiền ứng trước, để ngày 31/3/2017 C lên chế tạo thuốc nổ, H đồng ý. Sau đó C gọi điện cho S bảo lên nhà H lấy tiền. Còn C đi ra chợ R, thành phố Hải Phòng mua một máy xay (kiểu máy xay bột) với giá 1.650.000 đồng và tìm được 01 đoạn ống tuýp sắt có đường kính 03cm dài khoảng 20cm, C mài sắc một đầu để sử dụng làm công cụ chế tạo thuốc nổ. Trưa ngày 29/3/2017, S lên nhà H lấy tiền nhưng không gặp, vì H và vợ là Nguyễn Thị O đi khám bệnh tại thành phố ZH. S gọi điện cho C thì C bảo cứ ở lại nhà H, tối cùng ngày C sẽ gửi nguyên liệu và dụng cụ chế tạo thuốc nổ theo xe khách lên, S đón nhận hàng và chuyển vào nhà H, đồng thời C rủ S cùng tham gia chế tạo thuốc nổ bán cho H, S đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, C gọi điện cho H5 hỏi mua số nguyên liệu mà H5 đã chuẩn bị từ trước và nhờ H5 hướng dẫn cách chế tạo thuốc nổ, H5 đồng ý, bảo C đến ngôi nhà đã gặp nhau lần trước. Ngay sau đó, C đi xe ôm đến khu vực cây xăng Pháp Cỗ, H5 ra đón vì không nhớ đường. Tại đây, C được H5 dạy cách chế tạo thuốc nổ và mua lại số nguyên vật liệu gồm: 04 bao tải hóa chất có trọng lượng là 100kg, 03 lưng bao tải giấy bìa (bao loại 50kg), 1/2 bao tải túi nilon màu trắng loại 02 kg/túi (bao loại 50kg) và 01 máy ép miệng túi ni lông đã cũ (*loại cầm tay*) với số tiền là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), C trả trước cho H5 5 triệu đồng, số tiền còn lại hẹn trả sau. Mua xong, C chở số hóa chất và dụng cụ trên ra để ở khu vực đường Quốc lộ 10 thuộc huyện U, thành phố Hải Phòng. Sau đó ra chợ Sắt mua 50kg sập nền, 01 thùng keo dán nhãn hiệu Míc với số tiền là 3.000.000đ (*ba triệu đồng*), và đi về nhà cắt 04 đoạn ống nước bằng nhựa, đường kính khoảng 03cm, dài gần 40cm. Sau đó lấy 01 máy xay bột, 01 ống tuýp sắt đã

chuẩn bị từ trước, mang đến chỗ để số nguyên liệu, thuê xe khách chuyển toàn bộ số nguyên liệu và dụng cụ lên nhà H.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, vợ chồng H về đến nhà, S nói cho H biết C đã gửi nguyên liệu và dụng cụ chế tạo thuốc nổ lên theo xe khách, H bảo khi nào xe tới thì chuyển vào trong nhà gỗ ở phía sau nhà H. Đến khoảng 24 giờ thì S đã chuyển toàn bộ số nguyên liệu và dụng cụ C gửi vào nhà H. Trưa ngày 30/3/2017, C gọi điện xin ứng tiền trước để mua nguyên liệu, H hẹn đến sáng ngày 31/3/2017 sẽ chuyển, C và H thống nhất chiều ngày 31/3/2017 C sẽ lên nhà H lấy tiền luôn. Cùng ngày C gọi điện cho D2 nhà ở tỉnh Bắc Giang (không biết địa chỉ cụ thể) mua 1000kg tiền chất của thuốc nổ với giá 35.000đ/1kg, đồng thời bảo D2 gửi theo xe khách lên địa chỉ nhà H. Khoảng 10 giờ ngày 31/3/2017, H nhận được 39.500.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) tiền mua thuốc nổ của Y2 và H đã lấy số tiền này trả trước cho C 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại H trả sau và bảo C, S chế tạo thuốc nổ tại bếp ăn của gia đình H, nếu có ai hỏi thì nói là trồng nấm. C lấy 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) số tiền của H trả gửi xe khách về trả cho D2.

Khoảng 07 giờ ngày 01/4/2017, S và C thực hiện việc chế tạo thuốc nổ tại nhà H. S lấy một chiếc bát đĩa màu xanh của gia đình H trải xuống nền bếp, rồi đi lên nhà gỗ chuyển nguyên liệu và dụng cụ mang vào trong bếp và để ở khu vực trái bếp. Sau đó C thực hiện các bước chế tạo thuốc nổ để S vừa học vừa cùng tham gia thực hiện. C và S cùng chế tạo được khoảng 70 đến 80 ống giấy thì chuyển sang chế tạo thuốc nổ. C cho tiền chất của thuốc nổ, mùn cưa, hóa chất theo tỷ lệ 25kg tiền chất của thuốc nổ, 2kg hóa chất, 2kg mùn cưa vào trong một chiếc chậu nhôm trộn đều, sau đó đổ sang một chiếc chậu nhựa để đổ vào phễu máy xay, C sử dụng chậu nhôm để hứng bột thuốc nổ đã xay. Lúc này C phát hiện còn thiếu dầu diezen nên bảo H đi mua, H lấy chiếc can nhựa loại 20 lít của gia đình đi mua 05 lít dầu diezen mang về cho C pha chế, C lấy 0,5 lít dầu diezen trộn đều cùng số bột thuốc nổ vừa xay, sau đó cùng S khênh chậu đựng bột thuốc nổ trên vào trong bếp; C cho thuốc nổ vào trong ống giấy rồi lấy nắp giấy đã đục cho vào trong ống gấp lại tạo thành thanh thuốc nổ, S quan sát và cùng tham gia với C chế tạo các thanh thuốc nổ. Sau khi chế tạo hết số bột thuốc nổ đã xay, C cho sắp nén vào trong chiếc nồi Inox của gia đình H, đun nén chảy thành dung dịch lỏng, rồi nhúng các thanh thuốc nổ vừa chế tạo vào nồi dung dịch nên đang đun trên bếp để cho nên phủ kín thanh thuốc nổ. Với quy trình trên, C và S chế tạo được các thanh thuốc nổ có đường kính khoảng 03cm, dài khoảng từ 25 đến 27cm, nặng khoảng 0,2kg, cứ 10 thanh thuốc nổ đã chế tạo cho vào 01 túi nilon và dùng máy ép hàn kín miệng túi để tạo thành một cốp thuốc nổ theo quy định (*nặng khoảng 2kg*). Chế tạo xong, S lấy 10 cốp thuốc nổ cho vào 01 vỏ bao đựng tiền chất của thuốc nổ và buộc kín lại. Đến ngày 03/4/2017, S và C đã sử dụng hết 5 lít dầu diezen nên đã yêu cầu H đi mua thêm 10 lít dầu diezen để chế tạo tiếp.

Khi C và S chuẩn bị dụng cụ, nguyên liệu chế tạo thì thấy có người ra vào nhà H, C bảo H đi canh gác. H đi ra khu vực bãi đất trống ở phía trái bếp, hiên nhà và bờ ao phía sau nhà đứng canh giới. Quá trình C và S chế tạo thì H có vào trong bếp xem và bê các bao tải đựng thuốc nổ đã chế tạo xong ra xếp vào trong chuồng lợn của nhà mình, lấy bạt đậy phủ kín. Đến khoảng 14 giờ ngày 05/4/2017, thấy C và S chế tạo được khoảng hơn 700kg thuốc nổ, H gọi điện thông báo cho Y2, hẹn tối cùng ngày Y2 cho xe ô tô xuống xã Z, huyện E để nhận thuốc nổ và yêu cầu khi nào nhận thì trả hết tiền. Y2 thống nhất với H sẽ trả trước cho H 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và hẹn một đến hai ngày hôm sau thì trả hết, đồng thời bảo H đến khoảng 19 giờ cùng ngày mới xếp thuốc nổ lên xe, H đồng ý. Y2 nhờ H thuê xe ô tô chở thuốc nổ vào trong xã L, huyện K, tiền công chở Y2 trả từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ. Sau đó, H đến khu vực chợ xã CH, huyện V, tỉnh Yên Bái gặp Trần Ngọc A, sinh năm 1982, trú tại tổ 40, phường PH, thành phố ZH, tỉnh Yên Bái đặt vấn đề thuê ô tô chở hóa chất lên xã L, huyện K, tỉnh Lào Cai với giá 8.000.000đ (tám triệu đồng) và hẹn khoảng 19 giờ cùng ngày cho xe ô tô đến nhà H để bốc hóa chất, Ngọc A đồng ý.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, C và S chế tạo được 43 bao tải đựng thuốc nổ có tổng trọng lượng là 865,5 kg thì hết nền, hóa chất và dầu diezen, còn lại 12 bao tải đựng tiền chất của thuốc nổ có trọng lượng là 300kg, C bán lại cho H giá 30.000đ/1kg. Sau đó H gọi điện cho Y2 nói có khoảng 300kg tiền chất của thuốc nổ, có mua không, Y2 đồng ý và thỏa thuận giá 50.000đ/1kg. Thống nhất xong, H đi mua 06 vỏ bao tải sắc rằn màu vàng C, loại 50kg mang về cùng S dồn toàn bộ số tiền chất của thuốc nổ đựng trong 12 bao tải vào trong 06 bao trên. Khi chuẩn bị vận chuyển thuốc nổ cho Y2, H đã vay lại của C 10.000.000đ (mười triệu đồng) để lấy tiền đi đường (số tiền này C và H khai là tiền Y2 trả cho H để mua thuốc nổ trước đó).

Đến 19 giờ cùng ngày, Trần Ngọc A điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 21B - 003.36 đến nhà H, H trả trước cho Ngọc A 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền công chở, khi nào giao hàng xong thì trả số tiền còn lại. Sau đó, H hướng dẫn cho Trần Ngọc A lùi xe vào trong sân, rồi cùng Trần Ngọc A, C, S và Trần Thị H4, sinh năm 2000 (con gái H) bốc 43 bao tải đựng thuốc nổ, 06 bao tải đựng tiền chất của thuốc nổ lên xe. Khi xếp các bao tải lên xe ô tô, Trần Ngọc A phát hiện trong các bao tải trên có chứa thuốc nổ mà không phải là hóa chất, nhưng H nói cứ chở đi, H đã làm luật hết rồi. Trần Ngọc A yêu cầu H phải đi cùng thì mới nhận chở, H đồng ý. Sau khi xếp xong Ngọc Anh điều khiển ô tô chở thuốc nổ đi vào xã L, huyện K, tỉnh Lào Cai, còn H điều khiển xe mô tô biển số 21E1 - 255.32 đi theo sau. Khi Trần Ngọc A điều khiển xe ô tô đến km 93 + 100 Quốc lộ 279 thuộc địa phận xã NG, huyện K thì bị Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật cùng các vật chứng có liên quan. Khi Trần Ngọc A bị bắt giữ, H đã vớt xe mô tô lại và

bỏ trốn. Quá trình điều tra các bị can đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận giám định số 1729/C54 – P2 ngày 12/4/2017 và kết luận giám định bổ sung số 2147/C54 - P2 ngày 09/5/2017 của Viện khoa học hình sự, thuộc Tổng cục Cảnh Sát Bộ Công An kết luận:

- Các thời hình trụ, vỏ giấy nền đựng trong 43 bao tải, ký hiệu từ 01 đến 43, trọng lượng 865,5 kg đều là thuốc nổ, thường được sử dụng trong khai khoáng, mở đường; Không đủ điều kiện để xác định nguồn gốc, xuất xứ.

- Chất dạng hạt hình cầu màu trắng đựng trong 06 bao tải, ký hiệu 01 đến 06 đều là NH₄NO₃ (Amoni Nitrat). NH₄NO₃ (Amoni Nitrat) là tiền chất của thuốc nổ, không thuộc danh mục vật liệu nổ và không có tính năng, tác dụng như thuốc nổ; Không đủ điều kiện để xác định nguồn gốc, xuất xứ.

Cáo trạng số 40/KSĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C về tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ” và Trần Ngọc A về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” Theo quy định tại Điều 232 khoản 4 điểm a của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố và đánh giá vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng và là người thực hành tích cực trong việc chế tạo thuốc nổ cùng với C, S và thuê Trần Ngọc A vận chuyển thuốc nổ đi bán. Do vậy H là người giữ vai trò chính trong vụ án; Bị cáo Nguyễn Văn C là người trực tiếp mua dụng cụ, nguyên vật liệu và chế tạo thuốc nổ nên Nguyễn Văn C giữ vai trò là người thực hành giữ vai trò thứ 2; Bị cáo Trần Ngọc A là người trực tiếp vận chuyển thuê vật liệu nổ cho Trần Văn H để lấy tiền công nên hành vi của A là độc lập và A đã phạm tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Ngọc A đều có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Ngoài ra, bị cáo Trần Văn H sau khi phạm tội còn ra đầu thú.

Bị cáo Nguyễn Văn C đã hợp tác giúp Công an thành phố J, tỉnh Quảng Ninh phát hiện ra 02 vụ án xảy ra vào cuối năm 2016 và đầu năm 2017; Ngoài ra gia đình bị cáo còn có hoàn cảnh rất éo le: mẹ già và vợ đều bị bệnh nằm liệt).

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C phạm tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ” và bị cáo Trần Ngọc A về tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Khoản 5; Điều 20; Điều 53; Điều 46 khoản 1 điểm p và khoản 2; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án 10 (Mười) đến 11 (Mười một) năm tù và phạt bổ sung 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Điều 20; Điều 53; Điều 46 khoản 1 điểm p, q Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án 09 (Chín) đến 10 (Mười) năm tù.

Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Điều 46 khoản 1 điểm p Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A mức án từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C và Trần Ngọc A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác đã có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ căn cứ khẳng định: Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 05/4/2017, các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C đã thực hiện hành vi chế tạo trái phép 865,5kg thuốc nổ để bán kiếm lời. Trần Văn H đã thuê xe ô tô của bị cáo Trần Ngọc A vận chuyển toàn bộ số thuốc nổ và tiền chất của thuốc nổ đến xã L, huyện K, tỉnh Lào Cai để bán, khi Trần Ngọc A đang trên đường vận chuyển đến Km 93 + 100, quốc lộ 279 thuộc địa phận xã NG, huyện K, tỉnh Lào Cai thì bị Công an tỉnh Lào Cai bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố và Kết luận các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C phạm tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ” và Trần Ngọc A phạm tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” Theo quy định tại Điều 232 khoản 4 điểm a của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C, Trần Ngọc A đều là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo nhận thức rõ Vật liệu nổ là do nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm mọi hành vi chế tạo, mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép. Nhưng do háms lợinên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo Trần Văn H là người khởi xướng, trực tiếp liên lạc giao dịch tìm nơi tiêu thụ thuốc nổ, là người thực hành tích cực trong việc chế tạo thuốc nổ cùng với C, S và thuê Trần Ngọc A vận chuyển thuốc nổ đi bán. Do vậy Trần Văn H là người giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn C sau khi được H rủ rê lôi kéo, C tham gia thực hiện tội phạm rất tích cực, là người trực tiếp mua dụng cụ, nguyên vật liệu và chế tạo thuốc nổ nên Nguyễn Văn C giữ vai trò là người thực hành thứ 2 trong vụ án. Đối với Trần Ngọc A là người trực tiếp vận chuyển thuê vật liệu nổ cho Trần Văn H để lấy tiền công, hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ của bị cáo A là hành vi độc lập nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm về hành vi Vận chuyển vật liệu nổ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạmthuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý vật liệu nổ của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do đó cần phải lên một mức án thật nghiêm khắc đối với các bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích và mới góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trước khi phạm tộiđều có nhân thân tốt.

Bị cáoTrần Văn H và Trần Ngọc A có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng H5 chương kháng chiến hạng nhất và bố H còn được tặng thưởng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng. Ngoài ra, bị cáo Trần Văn H sau khi phạm tội còn ra đầu thú.

Bị cáo Nguyễn Văn C đã hợp tác giúp Công an thành phố J, tỉnh Quảng Ninh phát hiện ra 02 vụ án về tội mua bán vật liệu nổ. Ngoài ra gia đình bị cáo còn có hoàn cảnh rất éo le: mẹ già và vợ đều bị bệnh nằm liệt).

Căn cứ các tình tiết đã nêu ở trên, xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng. Do vậy khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với cả 03 bị cáodể xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáodể thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra còn áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H.

Về hình phạt bổ sung,Hội đồng xét xử xét thấy: Trần Văn H là người khởi xướng, rủ rê nên cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Ngọc A do điều kiện kinh tế khó khăn và các bị cáo phạm tội cũng là do bị H rủ rê, lôi kéo. Do vậy xét thấy không cần thiết phải phạt bổ sung đối với bị cáo C và A.

Trong vụ án còn có các đối tượng Bùi Văn S là người cùng bị cáo Nguyễn Văn C thực hiện việc chế tạo thuốc nổ bán cho Trần Văn H. Tạ Thị Hải Y2 là người mua thuốc nổ của bị các Trần Văn H. Phạm Văn Y là người cho H số điện thoại của Tạ Thị Hải Y2. Hiện nay S, Y2 và Y đều không có mặt tại địa phương, nên chưa có đủ căn cứ xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai tiếp tục điều tra khi nào có đủ căn cứ thì sẽ xử lý sau.

Đối với người có tên là D2 nhà ở tỉnh Bắc Giang là người bán tiền chất thuốc nổ và người tên H5 ở xã X, huyện U, thành phố Hải Phòng là người dạy cách chế tạo thuốc nổ, bán hóa chất và các dụng cụ dùng để chế tạo cho bị cáo Nguyễn Văn C. Quá trình điều tra bị cáo C không xác định được địa chỉ và nhân thân lai lịch nên không có đủ căn cứ xử lý.

Đối với Nguyễn Thị O (vợ của H), là người được H thông báo về việc vận chuyển thuốc nổ đi bán bị phát hiện, đồng thời là người thu dọn các dụng cụ, giấy thừa sau khi chế tạo thuốc nổ. Nhưng O không biết H, C và S chế tạo thuốc nổ, khi thu dọn các dụng cụ, đốt giấy thừa O không có mục đích tiêu hủy vật chứng, quá trình H bỏ trốn O đã vận động H ra đầu thú tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Yên Bái, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với O là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Trần Thị H4 (con gái H) là người cùng các bị cáo chuyển các bao tải đựng thuốc nổ xếp lên xe ô tô. Nhưng Hương không biết trong các bao tải đó là đựng thuốc nổ nên không đề cập xử lý.

Về vật chứng: Tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/04/2017 giữa cơ quan điều tra Công an tỉnh và kho K10B km 45 xã I, huyện TH, tỉnh Lào Cai thuộc tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng GAET) Bộ quốc phòng, vật chứng gồm có: 43 (Bốn mươi ba) bao tải xác rắn, bên trong đựng các thanh trụ hình tròn (Nghi thuốc nổ AD1) được đánh số thứ tự từ 01-43, đã được niêm phong (Mẫu hoàn lại sau giám định)

- 06 (S) bao tải xác rắn màu vàng C, bên trong đựng chất dạng hạt tròn nhỏ màu trắng (Nghi vẩn tiền chất của thuốc nổ), được đánh số thứ tự từ 01-06 đã được niêm phong (Mẫu hoàn lại sau giám định - Bút lục 25).

Tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/8/2017 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, vật chứng gồm có:

01 (Một) phong bì thư niêm phong bên trong là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) thu của Trần Ngọc A; 01 (một) xe ô tô biển số 21B – 00336; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm; 01 đăng ký xe ô tô mang tên Trịnh Văn B; 01 (một) xe mô tô

biển số 21E1 - 255.32 mang tên Nguyễn Thị O; 01 (Một) giấy phép lái xe ô tô; 01 (Một) giấy phép lái xe mô tô; 01 ví giả da màu đen; 01 (Một) chứng minh thư nhân dân và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đều là của bị cáo Trần Ngọc A; 04 bao tải đựng sắn khô; 01 (Một) bao tải đựng phân đạm; 01 (Một) búa đinh; 06 (S) túi ni lông màu trắng; 01 thanh kim loại hình chữ Y; 01 (Một) ống tuýp sắt một đầu được mài sắc; 01 vòng kim loại có 04 vòng xoắn; 07 (Bảy) mảnh thớt gỗ bị vỡ; 08 (Tám) mảnh giấy hình vuông màu nâu xám; 15 (Mười lăm) vỏ lọ keo dán; 01 kg giấy các loại; 01 bát dừa kẻ sọc trắng xanh; 01 can nhựa; 01 (Một) thanh sắt được vót nhọn một đầu; 01 máy xay sơn màu xanh, có phễu nhựa tròn màu trắng; 01 ổ cắm điện có dây điện màu trắng, phích cắm và ổ cắm bằng nhựa, màu trắng; 01 bếp ga; 01 (Một) nồi Inox; 01 kéo cắt giấy; 01 (Một) bát dừa màu xanh; 09 kg mùn cưa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đồng của Nguyễn Thị O; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có bàn phím và ốp sau màu xanh và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với 43 bao tải (Nghị thuốc nổ AD1) và 06 bao tải (Nghị tiền chất của thuốc nổ) là các mẫu hoàn lại sau giám định hiện nay do kho K10B km 45 xã I, huyện TH, tỉnh Lào Cai thuộc tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng GAET) Bộ quốc phòng quản lý là vật chứng của vụ án nay cần tuyên giao cho cơ quan có chức năng đang quản lý có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) thu của Trần Ngọc A là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe ô tô Trần Ngọc A đã dùng làm phương tiện phạm tội nhưng đây là tài sản mua chung giữa bị cáo Trần Ngọc A cùng vợ là Nguyễn Thị T3 với ông Trịnh Văn B (trong đó Trần Ngọc A và Nguyễn Thị T3 đóng góp $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe, ông Trịnh Văn B đóng góp $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe). Do vậy chỉ tịch thu phần của bị cáo A được hưởng là $\frac{1}{4}$ trị giá chiếc xe để sung quỹ nhà nước, còn lại trả cho chị T3 $\frac{1}{4}$ trị giá chiếc xe, ông B $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 21 E1-25532 là xe đăng ký tên Nguyễn Thị O, tại phiên tòa bị cáo H khai đây là tiền chị O tự kiếm được và chị O tự mua, khi bị cáo H mang đi chị O không biết do vậy cần tuyên trả lại cho chị O.

Đối với các giấy tờ chứng nhận kiểm định, chứng nhận bảo hiểm và Đăng ký xe ô tô cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Các giấy tờ và một số tài sản khác gồm có: Ví, Giấy phép lái xe mô tô và ô tô, Chứng minh thư nhân dân là của Trần Ngọc A không liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho Trần Ngọc A.

Đối với chiếc chiếc bếp ga bị cáo C sử dụng để chế tạo thuốc nổ nhưng chị O không biết, đối với chiếc điện thoại của chị O do chị O giao nộp để cơ quan điều tra làm rõ, xét thấy chị O không liên quan đến việc phạm tội. Do đó cần tuyên trả cho chị O chiếc bếp ga và chiếc điện thoại.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu đen thu giữ của Trần Văn H và chiếc điện thoại Nokia màu trắng của Trần Ngọc A, cả 02 chiếc điện thoại này các bị cáo đều sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với hai chiếc điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn C là do bị cáo C mới mua nên không liên quan đến việc phạm tội. Tuy nhiên xét thấy bị cáo C còn phải thi hành một số khoản tiền án phí và tiền truy thu do đó cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với các vật chứng còn lại theo biên bản giao nhận vật chứng đều là những vật chứng của vụ án hoặc vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra, đối với số tiền 39.500.000đ (Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) mà Tạ Thị Hải Y2 đã đưa trước cho bị cáo H để mua số thuốc nổ, sau đó bị cáo H đã lấy số tiền đó đưa trả cho bị cáo C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số còn lại là 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) do bị cáo H giữ. Xét thấy toàn bộ số tiền trên các bị cáo có được là do phạm tội mà có nên cần truy thu để sung quỹ nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C phạm tội “Chế tạo, mua bán trái phép vật liệu nổ”. Bị cáo Trần Ngọc A phạm tội: “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Khoản 5; Điều 20; Điều 53; Điều 46 khoản 1 điểm p và khoản 2; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

+Xử phạt bị cáo Trần Văn H mức án 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 07/4/2017.

+ Phạt Trần Văn H 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Điều 20; Điều 53; Điều 46 khoản 1 điểm p, q Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/5/2017.

- Áp dụng Điều 232 khoản 4 điểm a; Điều 46 khoản 1 điểm p Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/4/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Giao cho kho K10B km 45 xã I, huyện TH, tỉnh Lào Cai thuộc Tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng GAET) Bộ quốc phòng tiến hành xử lý theo quy định của pháp luật: - 43 (Bốn mươi ba) bao tải xác rắn, bên trong đựng các thanh trụ hình tròn (Nghị thuốc nổ AD1) được đánh số thứ tự từ 01-43, đã được niêm phong (Mẫu hoàn lại sau giám định)

- 06 (S) bao tải xác rắn màu vàng C, bên trong đựng chất dạng hạt tròn nhỏ màu trắng (Nghị vấn tiền chất của thuốc nổ), được đánh số thứ tự từ 01-06 đã được niêm phong (Mẫu hoàn lại sau giám định).

(Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/04/2017 – Bút lục số 25).

***Tịch thu tiêu hủy:**

- 04 (Bốn) bao tải đựng sản khô; 01 (Một) bao tải đựng phân đạm nhãn hiệu Hà Bắc; 01 (Một) búa đinh có cán bằng gỗ dài 21 cm; 06 túi ni lông màu trắng; 01 thanh kim loại hình chữ Y dài 23 cm, rộng 9 cm; 01 (Một) ống tuýp sắt một đầu được mài sắc, một đầu có 4 vòng xoắn có đường kính 5 cm, một đầu có đường kính 3 cm; 01 vòng kim loại có 04 vòng xoắn; 07 (Bảy) mảnh thớt gỗ bị vỡ; 08 (Tám) mảnh giấy hình vuông màu nâu xám kích thước 4,5 x 4,5 cm, bên trong cắt hình tròn; 15 (Mười lăm) vỏ lọ keo dán bằng nhựa nhãn hiệu Míc; 01 (Một) kg giấy các loại; 01 bạt dứa kẻ sọc trắng xanh đã cũ, rách, nát có kích thước 4,5m x 3,5 m; 01 can nhựa màu xanh loại 20 lít, trên can nhựa có ghi chữ CALTEX; 01 (Một) thanh sắt được vót nhọn một đầu, trên thanh sắt được tiện một vòng tròn dài 25 cm; 01 máy xay (Kiểu máy xay bột), sơn màu xanh, có phễu nhựa tròn màu trắng; 01 ổ cắm điện có dây điện màu vàng, phích cắm và ổ cắm bằng nhựa, màu trắng; 01 (Một) nồi Inox màu trắng đã cũ; 01 kéo cắt giấy dài 19 cm, cán được bọc nhựa màu xanh; 01 (Một) bạt dứa màu xanh đã qua sử dụng có kích thước 3,76m x 4,07 m; 09 (Chín) kg mùn cưa đã niêm phong;

***Tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng, số Imel 1: 357783/06/832680/0, số Imel 2: 357783/06/832681/8. Bên trong

điện thoại có lắp một thẻ sim của nhà mạng Viettel, trên Sim có ghi chữ số 89840 4870103451 1853 thu giữ của Trần Văn H;

-01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu trắng đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có lắp 02 thẻ sim (Một thẻ của nhà mạng Viettel, một thẻ của nhà mạng Vinaphone) thu giữ của Trần Ngọc A.

- 01 (Một) phong bì thư của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai, trên phong bì có ghi chữ ký giáp lai của những người tham gia niêm phong và ghi dòng chữ dòng chữ “Tiền Việt Nam thu giữ của Trần Ngọc A ngày 05/4/2017”. Số tiền trong bì niêm phong là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam.

-1/4 (Một phần tư) trị giá chiếc xe ô tô biển số 21B – 00336 phần của bị cáo Trần Ngọc A được hưởng.

*** Trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi liên quan như sau:**

- Bị cáo Trần Ngọc A:

+01 (Một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Ngọc A.

+01 (Một) giấy phép lái xe mô tô mang tên Trần Ngọc A.

+01 (Một) chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Ngọc A;

+ 01 (Một) ví giả da màu đen.

- Chị Nguyễn Thị O:

+01 (Một) bếp ga màu đen, trên bếp có in chữ TAKA và hình hoa văn màu trắng.

+01 (một) xe mô tô Wave Alpha biển số 21E1 - 255.32 đã qua sử dụng.

+01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màu đồng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng có số Imel 359929/07/143064/6, bên trong có lắp 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel.

- Chị Nguyễn Thị T3: ¼ (Một phần tư) trị giá chiếc xe ô tô biển số 21B - 00336 đã qua sử dụng.

- Anh Trịnh Văn B ½ (Một phần hai) trị giá chiếc xe ô tô biển số 21B – 00336 đã qua sử dụng.

***Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Nguyễn Văn C gồm:**

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, điện thoại có bàn phím và ốp sau màu xanh đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim của nhà mạng Viettel, trên sim có ghi chữ số 89840 40654 00286 0328.

-01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, đã qua sử dụng, bên trong điện thoại có lắp 01 thẻ sim của nhà mạng Mobiphone, trên sim có ghi chữ số 8401 1503 5044 4171.

*** Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:**

+01 (Một) xe ô tô biển số 21B – 00336 đã qua sử dụng.

+01 (Một) giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô 21B – 00336.

+01 (Một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự.

+01 (Một) đăng ký xe ô tô 21B – 00336.

(Toàn bộ số vật chứng trên được thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 17/8/2017).

*** Truy thu để sung quỹ nhà nước đối với số tiền do phạm tội mà có của các bị cáo:** Nguyễn Văn C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và Trần Văn H 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà các bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Văn C, Trần Ngọc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh 02;
- Trại tạm giam 3;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo 03;
- Tổng công ty KTKTQP GATE;
- Người liên quan: 3;
- THA 5;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lù Làn Din

